

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Những năm qua, các cấp, các ngành trong tỉnh đã quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc ngày càng được nâng cao. Tiềm lực, hạ tầng khoa học công nghệ, hạ tầng mạng viễn thông, công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, phát triển mở rộng; năng lực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số có bước phát triển. Đã xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh phục vụ công tác quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, góp phần xây dựng Chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số tại địa phương, cụ thể như: các hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống báo cáo, cổng thông tin điện tử, thư điện tử công vụ, công dân số... Công nghệ số đã bắt đầu là một phần quan trọng trong mọi hoạt động thường xuyên của các ngành, lĩnh vực, địa phương và ứng dụng, khai thác mạnh mẽ trong mọi mặt đời sống xã hội, mọi tầng lớp nhân dân. Phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân cùng với hoạt động nghiên cứu ứng dụng đã góp phần tăng năng suất

lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương và xây dựng cơ chế, chính sách tạo tiền đề góp phần hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, vai trò then chốt của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội chưa rõ nét, chuyển đổi số của tỉnh nói chung còn thấp so với mặt bằng chung toàn quốc; tiềm lực và hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, hạ tầng bưu chính, viễn thông của tỉnh còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng cho việc thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ tiếp cận các nền tảng số, công nghệ số, dịch vụ công trực tuyến của người dân, nhất là các vùng sâu vùng xa còn thấp và gặp nhiều khó khăn; nền tảng, môi trường số cho người dân tương tác với chính quyền chưa đồng bộ, chưa được phổ biến, hướng dẫn rộng rãi; thiếu nhân lực khoa học, công nghệ, nhân lực có kỹ năng chuyên môn cao trong lĩnh vực chuyển đổi số; việc đào tạo và thu hút nhân tài với kiến thức chuyên môn cao, khả năng sáng tạo tốt và vấn đề an ninh mạng và bảo mật thông tin đang là một thách thức lớn đối với sự phát triển của kinh tế số của tỉnh. Các chỉ số về năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo (PII), chuyển đổi số của tỉnh đều nằm ở nhóm thấp trên toàn quốc.

Nguyên nhân khách quan do tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, điều kiện tự nhiên ít thuận lợi nên khả năng thu hút đầu tư và nhân lực chất lượng cao đến tỉnh làm việc thấp; nhu cầu về nguồn lực thực hiện đầu tư đồng bộ hạ tầng khoa học, công nghệ, viễn thông cao trong khi khả năng cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách gặp khó khăn; cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu; một số chính sách, quy định còn bất cập, khó triển khai đối với điều kiện địa phương. Nguyên nhân chủ quan vẫn chưa được khắc phục triệt để, đó là: việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số hiệu quả chậm hơn so với tốc độ phát triển khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế; mức độ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức quản lý, đầu tư, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữa cấp ủy, chính quyền các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đồng đều, chưa đúng mức, hiệu quả chưa cao.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

Thực hiện nhất quán quan điểm của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhanh và bền vững, có sự bứt phá trong kỷ nguyên mới; tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả

hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đồng bộ với thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2025-2030 và những năm tiếp theo trên cơ sở bám sát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng và quốc gia, trong đó tập trung nghiên cứu khoa học và phát triển, ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trên các lĩnh vực: Công nghệ số, nông nghiệp và khoa học thực phẩm, công nghệ sinh học, dược liệu và y học cổ truyền, môi trường và biến đổi khí hậu, năng lượng và chế biến nguyên vật liệu, công nghệ phục vụ bảo tồn và phục hồi di sản thiên nhiên và văn hóa, dự báo và kiểm soát dịch bệnh,... Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; nghiên cứu bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử của tỉnh... nâng cao nhận thức, quyết tâm và năng lực của cả hệ thống chính trị và cộng đồng về thực hiện chuyển đổi số gắn với đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai hệ thống mạng lưới Internet rộng khắp, nâng cao tốc độ kết nối, đảm bảo mọi người dân đều có thể tiếp cận với các dịch vụ số.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời đẩy mạnh thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng trong nước và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, kinh tế tri thức để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Cao Bằng đạt trình độ khá trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc, đạt trình độ trung bình trong cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

(1) Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh được đầu tư đáp ứng các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao ở các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghệ thông tin. Một số lĩnh vực khoa

học, công nghệ thuộc các ngành có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp để bảo tồn, phát triển nguồn gen giống các cây trồng vật nuôi đặc sản, đặc hữu của tỉnh; bảo tồn, khai thác phát huy các giá trị văn hoá lịch sử tiêu biểu của tỉnh; ứng dụng công nghệ số, thông minh trong quản lý biên giới, khu kinh tế cửa khẩu tỉnh.

(2) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP của tỉnh từ 40% trở lên; Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) tỉnh Cao Bằng tăng ít nhất 03 bậc so với thứ hạng năm 2023 và 2024.

(3) Tập trung ứng dụng các kết quả khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đối với lĩnh vực trọng tâm, đột phá của tỉnh (*phát triển du lịch, kinh tế cửa khẩu, nông lâm nghiệp*). Trên 70% các nhiệm vụ khoa học, công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn. Có trên 05 doanh nghiệp khoa học, công nghệ. Hỗ trợ được ít nhất 05 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 20% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh.

(4) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn của tỉnh; xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào việc phấn đấu giá trị chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh đạt từ 0,7.

(5) Ưu tiên kinh phí chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó nâng cao tỷ lệ kinh phí từ xã hội; bố trí ngân sách hằng năm của tỉnh đáp ứng cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

(6) Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 10 người trên một vạn dân.

(7) 80% các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, đặc hữu, sản phẩm OCOP, sản phẩm tiêu biểu của địa phương được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ. Số đơn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp tăng trung bình 20%/năm; có ít nhất 40% doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới trong năm có đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp; Tỷ lệ khai thác giá trị tài sản trí tuệ đã được bảo hộ cho các sản phẩm của tỉnh đạt trên 80%.

(8) Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm mặt bằng chung toàn quốc; từng bước ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Phát triển đô thị thông minh; thu hút các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ đầu tư nghiên cứu, sản xuất.

(9) Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

(10) Thực hiện quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao trong các tỉnh. Đảm bảo an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

(11) Phát triển kinh tế số trên tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế (*công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính ngân hàng...*). Tỷ trọng kinh tế số đạt 25% GRDP; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nền tảng chuyển đổi số đạt trên 90%; giao dịch không dùng tiền mặt của người dân đạt 80%. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 70%.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa nền kinh tế của tỉnh có thu nhập cao; góp phần quan trọng đảm bảo quốc phòng an ninh, nhất là tuyến biên giới; quy mô kinh tế số đạt 50%; có tiềm lực, hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; cơ bản các sản phẩm được sản xuất dựa trên công nghệ kỹ thuật tiên tiến; hình thành thị trường khoa học, công nghệ, kinh tế số; có tối thiểu 03 doanh nghiệp công nghệ số tại tỉnh; thu hút ít nhất 02 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam đầu tư, nghiên cứu, thiết lập cơ sở trên địa bàn tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các huyện, thành phố và một số ngành, lĩnh vực trọng điểm thành lập Ban chỉ đạo cấp mình xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án để triển khai thực hiện.

- Có chương trình tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân, đặc biệt là công tác phổ biến kiến thức cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít người, vùng sâu, vùng xa, biên giới khai thác, sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông minh, thương mại điện tử... để phục vụ phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống. Triển khai mạnh mẽ, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu tiên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục cụ thể hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

- Tham gia rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế...; đồng thời chủ động sửa đổi, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn của cấp trên để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đồng bộ, thống nhất theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Tập trung nghiên cứu xây dựng các chính sách phù hợp theo quy định trung ương về thu hút nhân lực chất lượng cao; tăng cường đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực sẵn có của các tổ chức khoa học công nghệ (công nghệ sinh học, công

nghệ thông tin...) thông qua cơ chế hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín năng lực trong và ngoài nước theo đặt hàng của tỉnh và yêu cầu thực tiễn.

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đầu tư, nâng cấp và có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả làm đầu mối dẫn dắt hoạt động; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng nghiên cứu, tham mưu cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra.

- Nghiên cứu có cơ chế, chính sách cho các tổ chức khoa học công nghệ công lập trong việc liên kết, hợp tác, thử nghiệm, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ; cơ chế ưu tiên, đãi ngộ viên chức khoa học, công nghệ trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, triển khai các hoạt động khoa, học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyển đổi số thành các chuyên gia giỏi của tỉnh trong lĩnh vực này.

- Nghiên cứu cụ thể cơ chế giao quyền tự chủ về kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, cơ chế tự quyết định các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm, cho các địa phương để bứt phá phát triển theo mục tiêu đã đề ra.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản của cấp trên về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác tài nguyên; phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến các sản phẩm nông lâm nghiệp. Chú trọng, quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên khoáng sản của địa phương để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phương án quy hoạch đã duyệt đến năm 2050, trên cơ sở tiếp

tục rà soát, bổ sung và triển khai các dự án đầu tư về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo kế hoạch đề ra. Trước mắt tập trung nguồn lực mở rộng phủ sóng di động tại các vùng “trắng” sóng, “lõm” sóng. Hoàn thành mục tiêu chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đạt 100% thôn, xóm (*thuộc các vùng sâu, vùng xa, biên giới, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*) có điện lưới được cung cấp dịch vụ viễn thông băng rộng di động; cho chủ trương nghiên cứu xây dựng: Đề án thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trên cơ sở Quỹ phát triển khoa học, công nghệ tỉnh Cao Bằng hiện nay; xây dựng Đề án trung tâm quản lý, phát triển dữ liệu tỉnh trên cơ sở trung tâm dữ liệu hiện có; xây dựng Đề án Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh đi vào hoạt động; xây dựng đô thị thông minh, cửa khẩu thông minh; Đề án nâng cấp một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ngành, lĩnh vực trọng tâm của tỉnh thành tổ chức có chức năng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,... để triển khai các nhiệm vụ giao và thí điểm một số hoạt động có tính chất làm cơ sở thúc đẩy, dẫn dắt hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn tỉnh.

- Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động ứng dụng khoa học, đổi mới sáng tạo. Từng bước nghiên cứu đầu tư phòng thí nghiệm đa chức năng đảm bảo tiên tiến hiện đại để nghiên cứu, thử nghiệm đối với các lĩnh vực có tiềm năng thế mạnh của tỉnh; đầu tư một số công nghệ chiến lược phù hợp cho tổ chức khoa học, công nghệ công lập của tỉnh.

- Có giải pháp cơ cấu các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh đảm bảo đủ năng lực để triển khai các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Triển khai thực hiện nhất quán quan điểm chỉ đạo, chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng của Trung ương. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng rộng cố định tốc độ cao phủ rộng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo được phủ sóng toàn tỉnh. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT.

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hoạt động xây dựng và cung cấp dịch vụ dữ liệu, điện toán đám mây trên địa bàn tỉnh; hình thành hạ tầng lưu trữ điện tử; phát huy và khai thác hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ

liệu các bộ, ngành, địa phương, đảm bảo liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên, tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng, ưu tiên.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghiên cứu, triển khai các cơ chế, chính sách của Trung ương về học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Thực hiện cơ chế, chính sách thu hút người có trình độ cao làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

- Tuyên truyền, quán triệt, tạo sự đồng thuận và tham gia của xã hội trong thực hiện chủ trương của Trung ương về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Tổ chức thực hiện đồng bộ Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, nâng cao chất lượng trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phong cách công tác, lề lối làm việc trong các cơ quan Đảng.

- Hoàn thiện và ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 nhằm xác định nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và nguồn lực của địa phương, đảm bảo hiệu quả, tính khả thi và tối đa hóa nguồn lực của tỉnh.

- Nghiên cứu, cụ thể hoá và xây dựng Bộ Chỉ số theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đối với các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương. Có kế hoạch và lộ trình triển khai đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị của địa phương lên môi trường số, bảo đảm đồng bộ, liên thông và bí mật nhà nước. Kết nối, khai thác nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển Hệ thống giám sát, điều hành thông minh của tỉnh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc

giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Có chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Khuyến khích, phổ biến và tăng cường ứng dụng công nghệ số, phát triển các nền tảng số hình thành công dân số, xây dựng xã hội số an toàn lành mạnh. Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, triển khai thực hiện tuân thủ bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Xây dựng và khai thác có hiệu quả nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai các chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở các địa phương, các ngành, lĩnh vực có trọng tâm, trọng điểm nhằm đột phá phát triển, thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, thông minh. Nghiên cứu ban hành các đề án, chương trình chuyên đề triển khai các nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tập trung vào các ngành nghề, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh, bao gồm:

+ Trong phát triển sản xuất nông lâm nghiệp: Nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng các giống cây trồng có giá trị cao (*Thuốc lá, quế, hồi, thạch đen...*); bảo tồn, phát triển nguồn gen giống các cây trồng vật nuôi đặc sản, đặc hữu của tỉnh; thu hút đầu tư ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến sản phẩm.

+ Trong phát triển công nghiệp – xây dựng: Tập trung các nghiên cứu cải tiến và đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất đi đôi với giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo ra các sản phẩm hàng hoá có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, tập trung vào các lĩnh vực: Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện...

+ Trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, khoa học xã hội và nhân văn: Nghiên cứu phục vụ tái cơ cấu các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại như thương mại điện tử, tài chính ngân hàng, giáo dục, logistic, các dịch vụ mới của kinh tế số... nghiên cứu thí điểm xây dựng mô hình cửa khẩu thông minh tại cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh, cửa khẩu Tà Lùng và từng bước nhân rộng các cửa khẩu còn lại. Ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển các sản phẩm du lịch, ưu tiên các sản phẩm đặc trưng có thế mạnh như: Du lịch lịch sử, cảnh quan, du lịch văn hoá, lễ hội, du lịch cộng đồng gắn với phát huy các giá trị văn hoá vùng Công viên địa chất toàn cầu “*Non nước Cao Bằng*”.

- Tiếp tục bám sát các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Trung ương về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới để tổ chức triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh

quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, chú trọng nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm công nghệ số phục vụ công tác dự báo, nắm tình hình và xử trí các tình huống đảm bảo an ninh trật tự các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, khu vực biên giới, cửa khẩu, đặc biệt là công tác đấu tranh phòng chống tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm xuyên biên giới.

- Tăng cường nhận thức cho cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu trong quá trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an toàn và chủ quyền dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên nền tảng số và không gian mạng. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm trong lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ an ninh Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Có các chính sách ưu đãi, phù hợp, khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua thu hút doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Có giải pháp thực thi mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả các chính sách của Nhà nước khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn.

- Có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nâng cao nhận thức, quan tâm đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ ngay sau khi thành lập; thúc đẩy nâng cao hiệu quả khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ đã được xác lập quyền bảo hộ đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của tỉnh Cao Bằng.

- Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược có quy mô tại tỉnh để dẫn dắt chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số; thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số tại địa phương. Thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi số và đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, đảm bảo kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, kinh tế cửa khẩu, du lịch, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường liên kết, hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển đổi số với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu, địa phương, quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, tự động hóa, rô-bốt, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuyển đổi số.... Rà soát, xây dựng, sửa đổi bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng các công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển phù hợp với điều kiện của tỉnh như: mua, chuyển giao công nghệ...

- Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước để xây dựng mạng lưới chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để tư vấn cho tỉnh phát triển lĩnh vực này, đồng thời tăng cường hợp tác để bồi dưỡng, học tập, đào tạo chuyên gia có trình độ cao cho tỉnh.

- Đề xuất và tham gia các chương trình hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các tổ chức của Liên Hợp Quốc, ASEAN, các tổ chức phi Chính phủ và các quốc gia có thế mạnh về công nghệ như Trung Quốc, Hàn Quốc... Tăng cường tham gia các diễn đàn khoa học quốc tế nhằm đưa Cao Bằng trở thành điểm đến hấp dẫn trong các sự kiện quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, chuyển đổi số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng Ban.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (đối với các huyện ủy, thành ủy); thường xuyên kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này.

3. Tổ chức đảng của Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các quy định về cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này; kịp thời phản ánh về tình hình, kết quả triển khai học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết ở các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, hướng dẫn, tổ chức xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này.

6. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch cụ thể chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Tỉnh ủy; chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy. *✓*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. *✓*

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Quản Minh Cường